

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa**

**Tập 447**

**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**

**Chuyển ngữ: Minh Tuệ**

**Biên tập: Bình Minh**

**Thời gian: 10.06.2011**

**Địa điểm: Càng Sơn Tịnh Tông Học Hội\_Nhật Bản**

Chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 564, hàng thứ tư từ dưới đếm lên. Bắt đầu xem từ câu “thiên nhạc chi trung”.

“Thiên nhạc chi trung, dĩ vi diệu âm ca than Phật đức, thị biểu chư Bồ tát ư lễ cúng trung kiêm tu tán thán dã”

Đây là điều thứ ba trước trong mười đại nguyện vương của Bồ tát Phổ Hiền: “Lễ kính chư Phật, xưng tán Như lai”. Xưng tán ở đây còn gọi là tán thán. “Quảng tu cúng dường”, khi đến thế giới Cực lạc, gặp được Phật A Di Đà, các Bồ tát thường tu ba cách này.

“Phật đức giả, Như lai sở cụ chi công đức”. Đây là việc ca ngợi công đức của Phật. Đức Phật khi chưa thành Phật, ngài giống chúng ta, đều là phàm phu, ngài phát nguyện tu hành, tinh tấn không biếng nhác, và đã thành tựu vô lượng công đức trong quả vị của mình. Việc này chứng minh điều đức Phật nói trong kinh: “Tất cả pháp đều do tâm sinh”, “chế tâm nhất xứ vô sự bất biện”, người xưa thường nói: “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, mới có thể thành công. Những người bình thường như chúng ta ít có tâm nhẫn nại, tu ít hôm, hoặc vài ba năm bèn mong công đức thành tựu, chẳng những không thể, mà cách dùng tâm của hàng phàm phu cũng không đúng. Quý vị nghĩ thử xem, phàm phu dùng tâm nào? Tâm vọng tưởng, tâm tự tư tự lợi, tâm gấp gáp tranh công, tất cả đều sai lầm. Người tu hành thực sự dụng tâm chân thành, không nghĩ đến quả báo sẽ ra sao, họ không suy nghĩ về vấn đề này. Đúng như câu: “chỉ lo chăm bón, không nghĩ thu hoạch”. Khi nào thành tựu, có thành tựu hay không, không quan trọng, đúng lúc nó sẽ tự thành tựu. Vả lại công đức trang nghiêm khi thành tựu, tất cả đều nằm ngoài ý muốn của bản thân, bản thân họ chưa bao giờ nghĩ đến điều đó. Nguyên nhân gì vậy? Nguyên nhân từ lòng chí thành cảm thông. Ngày nay chúng ta thiếu mất lòng chí thành, mới tu mấy bữa đã mong có ngay kết quả, đâu dễ dàng như thế! Tất cả đều do chúng ta sai lầm khi dụng tâm, còn trách Phật Bồ tát không linh. Vì thế phần lớn người tu hành đi ngược lại với đường tu chứ không phải đi trực diện. Kết quả đó là gì? Khổ báo trong tam đồ, tất cả đều đi về đó. Bồ tát chỉ có một suy nghĩ, đó là vì chúng sanh, không lúc nào nghĩ về bản thân. Còn chúng sanh

như chúng ta, coi như không tệ, tất cả khởi tâm động niệm đều vì chúng sanh, nhưng trong ý niệm vì chúng sanh vẫn còn trộn lẫn lợi ích của riêng mình, như thế là sai lầm, nó sẽ phá hỏng công đức thanh tịnh, nên hiệu quả đạt được không cao. Bởi thế học Phật không thể không đọc kinh, học kinh điển cốt yếu là ở chỗ thành tâm, tâm cung kính, tâm thiết tha để thấy được việc dụng tâm của chư Phật Bồ tát, phương pháp tu tập và tâm thái của các ngài. Khi đã hiểu được thì chúng ta sẽ học tập dần dần. Nếu không hiểu rõ thì chúng ta sẽ học tập ra sao. Vì thế đọc kinh, nghe giảng, điều kiêng kỵ nhất là cỡi ngựa xem hoa.

Quý vị xem học sinh ở một số trường ngày nay, khi lên lớp quan sát thái độ của họ: hời hợt! Đa phần là như thế. Không thấy học sinh nào thực sự định tâm, chăm chú vào lớp học, không thấy. Tâm họ tâm vọng động. Nghe một tiếng động nhỏ ngoài giảng đường, tất cả mọi học sinh đều quay đầu nhìn ra, tâm hồn đều bay hết đi đâu. Những học sinh như thế làm sao thành công được.

Chúng ta đọc sách cổ ngày xưa, Trịnh Huyền- một nhân vật trong Hán thư, quý vị xem truyện kí của Trịnh Huyền, đây là một nhà Nho lớn đời Hán. Thuở nhỏ cầu học, thầy của ông là Mã Dung, vừa là học giả, vừa quan lớn đời Hán, tương đương cấp bộ ngày nay, nhưng rất thích dạy học. Trịnh Huyền là học trò của ông quan này, theo ông học ba năm. Mã Dung là người thích dạy học và rất thích nghe nhạc. Âm nhạc ngày đó không giống như bây giờ có truyền hình, phát thanh, không có những phương tiện này, cũng không có đĩa nhạc, làm thế nào? Sau bục giảng của ông có bức màn, phía sau bức màn đó là một đội nhạc công, nam nữ luyện tập nhạc trong đó, ông vừa dạy học vừa thưởng thức âm nhạc. Quý vị nghĩ xem những học sinh lên lớp, có ai là người không muốn xem phía sau bức màn? Nhưng có Trịnh Huyền, đã ba năm chưa bao giờ để mắt đến đó, Mã Dung đã phát hiện ra điều này, tất cả những kiến thức ông truyền đạt Trịnh Huyền đều học hết. Ông có tính ghen ghét, biết đứa học trò này về sau sẽ hơn mình, thầy giáo vẫn có tâm đố kỵ với học trò, ông là người có học vấn, được xem là có đạo đức, nhưng chưa đoạn được tập khí này. Muốn đứa học trò này, sau ba năm, sau khi học xong ba năm sẽ cho về. Ngày hôm sau, họ đi đến một trạm nghỉ, đích thân thầy giáo đến cách đó mười dặm để tiễn học trò, đến trạm nghỉ cách đó mười dặm để tiễn chân, mang theo cả rượu thịt, bảo mỗi học trò mời anh này mỗi người ba ly, hơn một trăm học trò. Trịnh Huyền đã uống đến ba trăm ly rượu, câu chuyện ba trăm ly là có thật, không phải giả. Câu chuyện này xuất hiện từ Trịnh Khương Thành, lúc này Trịnh Khương Thành đã chia tay thầy giáo, thầy giáo làm cơm tiễn đưa học trò, ý của thầy giáo là gì? Chúc cho say, không ngờ anh này là một tay ghê gớm, ba trăm ly rồi nhưng vẫn chưa thất lễ, thầy giáo phục sát đất. Vẫn chưa vừa lòng, dọc đường cho phục sẵn một tên sát thủ, muốn ám sát anh học trò này. Nhưng Trịnh Huyền là một người rất thông minh, anh ta đã tiên liệu mọi việc, đi khuất một đoạn, anh ta rẽ sang một con đường nhỏ mà đi. Đây là câu chuyện tôi nghe được từ cư sĩ Lí Bình Nam. Nó nói lên một điều, lòng ghen ghét gây trở ngại rất lớn cho mọi người, ngay một người

như thầy giáo kia hãy còn vương. Lòng đố kỵ của con người ngày nay, quý vị có thể lí giải đó là chuyện rất bình thường, không có gì kỳ lạ. Khi đã hiểu rồi, ta nên cố gắng tránh xa, bất kể ở thời điểm nào, lúc nào cũng nên phòng ngừa, đừng để người khác sinh tâm đố kỵ. Khi đã sinh tâm đố kỵ, họ sẽ tìm cách hại quý vị, là tai họa tự thân quý vị chuốc lấy, đừng trách người khác, chúng ta phải nhận thức rõ điều này. Vì thế việc chúng ta khiêm tốn cung kính, ở đâu cũng khiêm nhường, đừng với lên chỗ cao quá. Đây cũng nói lên điều gì? Giáo hoá những chúng sanh trong thời hiện đại, con người ngày nay, tập khí ngạo mạn đã nặng nề ngay từ bé, không ai dạy dỗ, vì vậy tâm đố kỵ càng nguy hiểm, tâm tranh quyền đoạt lợi cực kì nặng nề.

Công đức của Phật, đó là công đức vốn đầy đủ của Như lai, một là tánh đức, một là tu đức. Tánh đức, trong tự tánh mỗi người đều có và bình đẳng, nhưng nếu không có tu đức thì tánh đức không thể hiển lộ. Vì thế có thể nói, tu đức là thứ quan trọng đối với thập pháp giới, phàm phu trong lục đạo. Tánh tu không hai, tu đức dẫn đường cho tánh đức. Đức đầu tiên trong tánh đức là vô ngã, phải thực sự thấu hiểu thân này không phải là ta. Cái gì là ta? Biến pháp giới hư không giới là ta. Không ai biết điều này. Ai biết được? Người đã minh tâm kiến tánh. Trong kinh điển, những người học kinh giáo, đại khai viên giải biết được, người niệm Phật, niệm đến mức độ lí nhất tâm bất loạn có thể biết. Chúng ta đã biết lí nhất tâm, đại khai viên giải, minh tâm kiến tánh đều cùng một cảnh giới, khác nhau về tên gọi nhưng tương đồng về cảnh giới. Khi đạt đến mức độ đó đều biết được, quý vị đã chứng được thật tướng các pháp, lúc đó tánh đức hiện tiền.

Hai loại ca ngợi ở đây đều có, ca ngợi tánh đức, ca ngợi tu đức, năm kiếp tu hành của Di đà.

Câu xá luận viết: “Phật đức giả, chư hữu trí giả, tu duy Như Lai tam chủng viên đức, thâm sanh ái kính”. Tất cả đều nói về tu đức. Người tu hành khen ngợi Phật đức, thường nghĩ đến ba thứ đức hạnh của Phật, đó là thứ chúng ta nên học tập, nên sinh tâm ái kính. Ba thứ đó là gì?

Thứ nhất: “Nhân viên đức”. Bồ tát tu thành Phật cần phải trải ba đại a tăng kì kiếp mới thành tựu. Phật A di đà muốn tu thành thế giới Cực lạc phải trải năm đại kiếp. Chúng ta nên biết rằng ngài bắt đầu tu với thân phàm như thế nào. Trước đây chúng ta đã học, rất nhiều chư vị tổ sư đã khẳng định, Tỳ kheo Pháp Tạng phát tâm học đạo với Tự Tại Vương Như Lai. Xuất gia học đạo, đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Nói cách khác, ngài không phải là người bình thường, không phải là người phàm phu, ít nhất cũng là Bồ tát Sơ trụ của Viên giáo. Sau khi kiến tánh, ngài đã dùng chân tâm, không dùng vọng tâm, dùng chân tâm trong năm kiếp để làm tròn 48 lời nguyện. Chúng ta phải hiểu lí và sự ở đây. Phàm phu chúng ta cho dù tu hơn năm đại kiếp cũng không thể thành công, vì sao? Vì chúng ta dùng vọng tâm, không dùng chân

tâm, nên không tương ưng. Ngài dùng chân tâm là “nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, như thế thì làm sao giống được? Vì cây chúng ta không thể không biết việc này. Thời gian năm kiếp là rất dài, nhưng so với ba tăng kỳ kiếp thì rất ngắn, không gọi là dài. Nhất định phải hiểu thân phận của ngài, ngài không phải là người phạm. Ngày nay chúng ta mong ước được như ngài, sánh bằng ngài, giống như ngài, đó là gì? Được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, lúc đó chúng ta mới đạt được mục tiêu, nếu không được Phật gia trì mà chỉ bằng sức lực của mình, thì dù năm kiếp tu hành chắc chắn vẫn không được, vì vậy ân đức của Phật rất lớn! Đó là nhân. Thông thường, ba đại a tăng kỳ kiếp tu hành viên mãn, nhân viên mãn.

Thứ hai: “Quả viên mãn”. Quả nhất định phải phát huy tác dụng của trí tuệ bát nhã vốn có trong tự tánh, mới có thể đánh tan tất cả những tập khí phiền não, trí tuệ có thể cắt đứt.

Người đời không có trí tuệ mà chỉ có thông minh, có tri thức, có thông minh. Có tri thức mà không có trí tuệ, đa phần tri thức, thông minh là tạo nghiệp, vì sao? Vì nó hoàn toàn đi ngược với tự tánh, tánh đức tương ưng với trí tuệ. Chúng ta lấy một thí dụ đơn giản thế này, trí tuệ tương ưng với ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Nhưng tri thức chưa chắc đã tương ưng, trí tuệ nhất định tương ưng. Trí tuệ hoàn toàn tương ưng với Đệ Tử Quy, Cảm ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, vì sao? Vì những thứ này bắt nguồn từ trí tuệ, nên chưa chắc nó đã tương ứng với tri thức, có lúc tri thức không đồng ý với những thứ này, nên trí tuệ khác tri thức.

Ba thứ phiền não trong quả: vô thi vô minh phiền não, trần sa phiền não, kiến tu phiền não, tất cả đều bị đoạn tận, quả viên đức là chứng được Bồ đề vô thượng, hoặc là Diệu giác Như lai trong kinh Hoa nghiêm.

Thứ ba là nghĩ nhớ ân đức to lớn của Phật! Độ tất cả chúng sanh, ở đây ta nên thêm mấy chữ: vãng sanh tịnh độ. Ân đức này cao hơn tất cả chư Phật Như lai. Cũng như nói, Phật A Di Đà đã cấp cho chúng ta tấm bằng thành Phật, khi học đến lớp đó chắc chắn quý vị sẽ thành Phật, không sót một ai, đây chính là thế giới Cực lạc. Ưu điểm của thế giới Cực lạc là ở chỗ này, quý vị phải hiểu rõ sáng tỏ vấn đề này. Những vị cổ đức ngày xưa đã nói, khi vãng sanh thế giới tây phương cực lạc, quyết tâm đó “vạn nguỵ mạc vãn”. Ngày xưa coi sức trâu là mạnh nhất, trâu dùng để kéo cày, một vạn con như thế muốn kéo lại cũng không thể kéo nổi. Cho thấy tín tâm kiên định, nguyện lực mạnh mẽ của quý vị, không một sức mạnh nào có thể cản, quý vị đến thế giới Cực lạc. Nên nhận thức rõ ràng về vấn đề này. Quyết định sẽ thành công ngay trong đời này. Đời này vãng sanh, vãng sanh đến đó một đời thành Phật, gọi là Phật pháp thành tựu ngay đời này. Đây là khen ngợi công đức Phật. Nhất định phải nghĩ đến ba thứ: Nhân, quả, ân đức.

Ân đức tức là phổ độ tất cả chúng sanh, không có phân biệt chấp trước, chỉ cần quý vị tin tưởng và mong muốn đi thì ai cũng được độ. Người quyết tâm tu tịnh độ, người thật sự tu pháp môn niệm Phật, tâm lượng của họ ngang bằng Phật, phải ngang với Phật mới có thể tương ứng. Quý vị niệm Phật cho tốt, hàng ngày phát nguyện cầu sanh thế giới tây phương cực lạc, nhưng trong lòng đối xử tốt với người này, không tốt với người kia, tôi thích anh A, tôi ghét bà B, nên biết rằng người có tâm như thế không bao giờ được vãng sanh, tìm không ra loại người này ở thế giới Cực lạc, làm sao vãng sanh được? Thế nên trên đề kinh đã ghi năm chữ, rất quan trọng! Được ghi trên đề kinh, tâm của quý vị phải thanh tịnh bình đẳng giác, năm chữ: “Thanh tịnh bình đẳng giác”. Quý vị làm sao vãng sanh? Năm chữ này bảo đảm để quý vị vãng sanh, thực hiện được nó thì chắc chắn sẽ vãng sanh. Nếu còn phân biệt tức là không có bình đẳng. Vì thế nên đối xử với tất cả chúng sanh bằng tâm bình đẳng, không được phân biệt cao thấp, tôn kính như nhau, hộ niệm như nhau, quan tâm như nhau, giúp đỡ như nhau. Như thế mới giống người tu tịnh độ. Nếu làm ngược lại là không giống.

Mời xem đoạn kinh kế tiếp: “kinh tu du gian, hoàn hỷ bồn quốc, đô tức tập hội, thật bảo giảng đường, vô lượng thọ Phật, tắc vi quảng tuyên đại giáo, diễn xướng diệu pháp, mạc bất hoan hỷ, tâm giải đắc đạo.”

Nội dung đoạn kinh này mô tả, các vị Bồ tát đến thế giới mười phương cúng Phật, sau khi cúng Phật về, họ đến giảng đường nghe Phật A Di Đà giảng kinh dạy học, đại ý đoạn này là như thế.

Chúng ta đọc đoạn chú giải của Hoàng Niệm Lão: “Hữu văn”, đoạn văn bên phải. Có nội dung chúng Bồ tát du hành mười phương rồi quay về thế giới Cực lạc nghe Phật thuyết pháp. Đến thế giới trong mười phương để lễ Phật. Khi lễ Phật chắc chắn sẽ có cúng dường, nghe pháp. Cúng dường là tu phước, nghe pháp là tu tuệ, rồi lại quay về thế giới Cực lạc nghe Phật Bôn sư thuyết pháp. Phật A Di Đà là Bôn sư của chúng ta.

“Tu du gian”. Tu du là một khoảnh khắc, là chỉ thời gian rất ngắn. Đoạn này ngài đã chú giải như sau: “Tương đương với 48 giây”. Theo Chương 12 trong Câu Xá Luận nói. “Tu du” tương đương 48 giây hiện nay, thời gian không dài. Quý vị xem trong khoảng thời gian đó mà người đi lễ Phật đã trở về.

“Đường dịch” nói: Buổi sáng cúng dường chư Phật ở phương khác. Lại nói, trở về bồn quốc ngay trong buổi sáng đó chính là nghĩa của từ tu du trong kinh. Khoá học buổi sáng của Bồ tát ở thế giới Cực lạc là đi cúng Phật trong mười phương, sáng nào cũng đi. Quý vị nghĩ thử xem, duyên tu phước tu huệ của những vị này rất thù thắng, chúng ta muốn đi cũng không được, buổi sáng đến trước Phật Bồ tát lạy Phật: nam mô thập phương Phật, nam mô thập phương Pháp, chúng ta chỉ lạy được như thế, không thấy thập phương Phật. Các ngài đi thực sự, thực sự phân thân, mỗi quốc độ Phật,

trước mặt mỗi đức Phật đều hiện thân cúng dường, nghe pháp, đó là nhân duyên thù thắng không gì sánh bằng, chỉ có ở thế giới Cực lạc. Khi vãng sanh đến thế giới Cực lạc, quý vị sẽ có được những thứ ấy, không đến thế giới Cực lạc thì không thể có được. Quý vị xem Phật pháp rất coi trọng nhân duyên, Phật không độ người vô duyên.

Khi còn trẻ tuổi, chúng tôi học kinh, thầy giáo thường dạy chúng tôi kết pháp duyên. Không kết duyên với Phật pháp, cho dù giảng kinh hay đến đâu thì vẫn không có người đến nghe, người ta không muốn nghe là bởi quý vị không có duyên với họ. Kết duyên thật nhiều, kết duyên thật tốt, cho dù giảng không hay nhưng người nghe rất đông, mọi người đều thích nghe người đó giảng, thật lạ! Khi chúng tôi ở Đài trung có một trường hợp như thế. Trong số hai mươi người học với thầy Lý, có cư sĩ tên Lâm Khán Trị, chị ấy là người lớn tuổi nhất lớp tôi, đã hơn 60, chị học giảng kinh, trình độ gì? Chị mới tốt nghiệp Tiểu học. Sáu mươi tuổi mà chỉ mới tốt nghiệp Tiểu học, lúc này cháu nội của chị đã đi mẫu giáo. Trên thực tế, chị là nguồn khích lệ cho chúng tôi, lúc bấy giờ chúng tôi chưa dám giảng kinh vì ngại khó, nhìn thấy một người đã 60, mới tốt nghiệp Tiểu học mà dám lên bục giảng kinh, nhìn thấy bộ dạng chị ấy, chúng tôi nghĩ chắc chúng tôi cũng có thể làm được. Chị ấy là tấm gương cho chúng tôi và vực chúng tôi đứng lên. Nhân duyên Phật pháp rất đặc biệt, bất luận giảng ở chỗ nào, thính chúng cũng chật ních, bọn học trò chúng tôi muốn so sánh với chị cũng không được, mọi người đều thích nghe chị giảng. Điều đó cho thấy kết pháp duyên rất quan trọng. Nếu không có thầy Lý thường nhắc nhở, thì chúng tôi đã bỏ qua chuyện này, có lẽ trong tương lai chúng tôi phải chịu thiệt rất lớn. Thầy giáo luôn nhắc nhở, và tính tự giác của chúng tôi cũng cao, nên thật làm! Mấy năm trở lại đây, tôi đi giảng kinh ở một số nơi, mọi người đã thấy được tầm quan trọng của pháp duyên, vì sao? Vì rất nhiều người kết pháp duyên. Những người khác khi tiếp nhận đồ cúng dường của tứ chúng, thường xây chùa, người ta cúng dường cho tôi, tôi kết duyên, tất cả đều đem kết duyên, vì thế duyên rất thù thắng.

Năm trước, khi đang ở Singapore, năm 1999, năm 1998, năm 1999, năm 2000, ở Singapore, lúc đó pháp sư Diễn Bối còn sống, một hôm ông mời tôi dùng cơm tại nhà hàng cơm chay Linh Chi. Trong lúc dùng cơm, ngài hỏi tôi: Này Pháp sư, ngài có biết tại sao hôm nay tôi mời thầy dùng cơm không? Tôi trả lời: Tôi chưa được rõ lắm, xin ngài chỉ giáo. Ông trả lời: Thầy có pháp duyên thù thắng với những người khác, thầy có thể dạy cho tôi không? Pháp duyên đó từ đâu mà có? Tôi thưa: Việc này là do kết duyên! Rộng kết thiện duyên. Mọi người mời tôi giảng kinh, chúng tôi chưa giảng, nhưng chúng tôi kết duyên bằng những bộ kinh, pháp bảo, mang đến một số lượng lớn. Bồ thí! Bồ thí tài sản, bồ thí Pháp, bồ thí vô úy, làm tất. Sau khi nghe, ngài thờ dài: “tôi thật cô hàn!”, quý vị có hiểu chữ cô hàn không? Người Nam dương nó rất “keo kiệt”, không bao giờ biết bồ thí, sách vở kia ông đem bán lấy tiền hết, mà lại bán đắt. Tôi bảo, chỗ chúng tôi toàn đem bồ thí.

Lần đầu tiên đặt chân đến Nhật bản, tôi đi theo pháp sư Đạo An. Giáo hội Phật giáo Trung quốc tổ chức một phái đoàn đến thăm Nhật bản, trong thời gian hơn hai mươi ngày. Lúc bấy giờ chúng tôi hãy còn trẻ, đi theo lão Hoà thượng, lần đầu thăm Nhật bản. Lần thứ hai tôi đến, cũng là nhân duyên rất thù thắng, thăm viếng Nhật bản. Trước khi đi, tôi đã gửi ba mươi bộ Đại Tạng Kinh, nhờ những người đồng học bên này giúp chúng tôi phân phát cho những đạo tràng Tịnh tông, ba mươi bộ. Vì thế đến lúc đặt chân đến Nhật, trú trì, trưởng lão những chùa thuộc Tịnh tông Nhật bản đã tổ chức một bữa tiệc tối để đón tiếp chúng tôi. Tôi còn nhớ mang máng, hình như có bốn bàn, trong một nhà hàng, buổi tối. Sau khi dùng cơm, có một người bạn nói với tôi: Pháp sư, chuyến thăm này có thể được chép vào lịch sử Phật giáo Nhật bản. Tôi thưa, làm gì có chuyện long trọng đến thế, sao vậy? Vị kia nói: bởi bình thường các vị trưởng lão không thăm viếng qua lại, nhưng nhân chuyến viếng thăm này của ngài, tất cả đều đến đón tiếp. Lúc đó tôi mới hiểu đầu đuôi. Chúng tôi đã tặng đến ba mươi bộ Đại Tạng Kinh. Nếu không có một số lễ vật lớn như thế chưa chắc họ đã đến. Tôi nói: tôi hiểu rồi. Chuyến thăm lần đó của tôi kéo dài đến mười ngày. Ngày chia tay, chúng tôi mời họ dùng bữa, tất cả mọi người đều vui vẻ đến dự. Nhân đó tôi khuyên mọi người, tôi nói: Là người đệ tử Phật, chỉ cần tất cả những kinh do Phật nói, bất luận là của tông phái nào, tông Hiền thủ, tông Thiên thai. Ở đây tông Thiên thai và tông Tịnh độ rất thịnh hành, lại còn có Mật tông, Đông mật. Tôi nói, tất cả đều do đức Thế Tôn truyền lại. Chúng ta đều là anh chị em, mọi người nên đoàn kết, hợp tác, tôn trọng lẫn nhau, ca ngợi lẫn nhau, có như thế Phật pháp mới phát triển. Nếu cứ theo cách nhìn nhỏ hẹp, không có sự trao đổi, sẽ có lỗi với Phật, Bồ tát. Huống hồ chúng ta là những người tu theo tông Tịnh độ, cùng một tông phái Tịnh độ tất cả đều là anh em ruột. Anh em ruột thì không thể có cách nhìn hẹp hòi, không trao đổi, đây là một sai lầm rất tai hại.

Tôi đưa một thí dụ, giống như cha mẹ sinh được mấy người con, mỗi người lớn lên đều ra ở riêng, mỗi người đều theo đuổi lợi ích riêng của mình, không ngó ngàng đến nhau, đây là điều làm cho cha mẹ đau khổ nhất. Tôi hỏi, chúng ta có nghĩ đến điều này chăng? Nói về phương diện thế tục, đó là tội đại bất hiếu, xét về mặt Phật pháp đó là đại bất kính, không thể tha thứ được. Nhất định phải trao đổi, quan tâm lẫn nhau, thương yêu nhau, hợp tác cùng nhau, có như thế thì Phật pháp mới phát triển được. Cần phải làm tấm gương tốt cho mọi người trong xã hội, đừng nên tạo hình ảnh xấu trong mắt mọi người. Không ngó ngàng đến nhau đó là một tiền lệ xấu. Khởi tâm động niệm, lời nói việc làm đều phải chịu nhân quả. Quý vị muốn vãng sanh thế giới Cực lạc, Phật không đến tiếp dẫn quý vị. Vì sao ngài không đến? Bản thân quý vị phải biết, tâm thái hành vi của mình, hoàn toàn trái ngược với lời dạy của đức Phật, như vậy thì làm sao Phật đến tiếp dẫn quý vị? Mỗi ngày niệm mười vạn danh hiệu Phật mà vẫn cứ tự tư tự lợi, thì không thể cảm ứng với Phật. Nếu quý vị dùng chân tâm, áp dụng lời Phật dạy vào trong cuộc sống hàng ngày, mỗi ngày chỉ niệm một tiếng hay mười tiếng thì cũng được cảm ứng. Vì vậy chúng ta thường nói, cần đồng tâm, đồng

nguyện, đồng đức, đồng hạnh với Phật A Di Đà, thì chắc chắn quý vị được vãng sanh. Từ đây chúng ta mới hiểu được, chướng ngại lớn nhất trong việc học Phật không phải bên ngoài, mà là tâm tự tư lợi của chính mình, đây là chướng ngại lớn nhất, bất luận tu học như thế nào, cũng không thể thành công. Những người tu hành bình thường, không được định, không khai ngộ. Người niệm Phật chắc chắn không thể sanh Tịnh độ. Quý vị phải hiểu được vấn đề này. Chúng ta thường vấp phải lỗi này mà không hề hay biết. Vì vậy bao nhiêu năm rồi, chúng tôi tiếp nhận từ sự cúng dường thập phương, dùng vào việc gì? Toàn là ấn tống kinh sách, phát hành trên khắp thế giới. Ngày nay, ngày cả những tôn giáo khác, chúng tôi cũng hiến tặng, họ rất vui mừng.

Mấy mươi năm gần đây, tôi đã kết duyên với rất nhiều tôn giáo và thúc đẩy đa nguyên văn hoá. Chúng tôi còn tổ chức đoàn thể, mọi người cùng nhau đi du lịch, chúng tôi ra sức ủng hộ, giúp đỡ. Kinh phí không đủ, chúng tôi bao hết, để mọi người có niềm vui cùng nhau, vui đùa cùng nhau, giao lưu trao đổi. Đây là phương pháp tối ưu để đoàn kết tôn giáo. Bình thường, những giáo sĩ truyền giáo của các tôn giáo này, những người lãnh đạo tôn giáo, không thể thường xuyên ngồi lại cùng nhau. Chỉ khi đi chơi, mười mấy ngày từ sáng đến tối bên nhau, cùng nhau sinh hoạt, thì tự nhiên có cảm tình với nhau, hiệu quả đạt được rất cao. Đoàn kết tôn giáo có thể hoá giải được rất nhiều vấn đề của xã hội. Đây là những hoạt động chúng ta nên thực hiện.

Ở đoạn này đã làm một điển hình tốt. Học trò của Phật A Di Đà, mỗi ngày đều đi lạy Phật trong mười phương, Phật A Di Đà không ngăn cản. Ngài chưa bao giờ nói đừng đến những nơi khác, không có. Quý vị đi ngài càng hoan hỷ, kết rộng pháp duyên. Tương lai quý vị thành Phật, khu vực quý vị giáo hóa là biến pháp giới hư không giới, vì sao vậy? Vì quý vị đã kết duyên rộng rãi. Không đi đâu cả, tôi chỉ thích Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà tôi không muốn gì nữa. Sau này quý vị giáo hóa chúng sanh ở thế giới Cực lạc, những chỗ khác không có duyên với quý vị. Phật A Di Đà không ngăn cản quý vị, đó là do sự ngu si của quý vị, tự quý vị không dám ra tay. Cần thông đạt hiểu rõ cả lý lẫn sự.

Vì thế, “sáng sớm đi cúng dường thập phương chư Phật”, rồi lại, “ngay trong sáng đó quay về bản quốc”. Quý vị xem việc đi lại rất tiện lợi, tự do. Đây chính là ý của câu “kinh tu du gian”.

Sau khi quay về, tập trung tại giảng đường được làm bằng thất bảo. Tất cả công trình ở thế giới tây phương Cực lạc, đều được làm bằng chất liệu thất bảo. Thất bảo. Thất, mang ý nghĩa tượng trưng, chứ không phải số chữ. Thất có ý nghĩa là gì? Bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc, phương trên, phương dưới, là sáu phương, thêm chính giữa, đó là bảy. Nó tượng trưng cho điều gì? Sự viên mãn, không khiếm khuyết thứ gì. Vì thế thất bảo là vô lượng trân bảo, không thiếu thứ gì, ý nghĩa như vậy. Ở thế giới Cực lạc, vô lượng trân bảo là vật liệu xây dựng. Người đời chúng ta dùng những thứ



đó làm đồ trang sức, gọi là kim loại quý để mang trên người. Nếu ở thế giới Cực lạc quý vị nhật gạch ngói, sỏi đá trên đường để trang sức, người ta không cười quý vị sao? Quý vị sẽ biết rằng, sự giàu nghèo giữa hai thế giới không giống nhau, người trong thế giới này là kẻ nghèo nàn, nên lấy những thứ đó làm châu báu. Những người ở thế giới cực lạc là giàu sang, nên lấy đó làm vật liệu xây dựng. ở đây chúng ta cầu mong vàng bạc còn không có, bên kia người ta dùng vàng bạc để đắp đường, giống như nhựa đường chúng ta ở đây. Có ai dùng nhựa đường để làm dây chuyền, vòng tay để mang trên người chưa? Chưa có, nhưng ở thế giới Cực lạc, những thứ quý vị mang trên người đều dùng để đắp đường. Có như thế chúng ta mới hiểu sự giàu sang của thế giới Cực lạc. Nhưng cũng nên nhớ, thế giới Cực lạc là quê nhà, có liên hệ rất chặt chẽ với chúng ta, không phải quê của người khác. Mỗi ngày A Di Đà Phật đều trông đợi, mong chúng ta sớm quay về.

Giảng đường được xây dựng bằng chất liệu thất bảo. “Nghe Phật tuyên giảng diệu pháp đại giáo”. “Đại giáo”, Khởi Tín Luận nói rất hay, đó là “Pháp nhất thừa”. Thế nào là nhất thừa? Phương pháp thành Phật. Tất cả kinh do Phật nói, từ tầng thấp nhất là dạy con người bỏ ác làm lành. Bỏ ác làm lành bằng cách nào? Mãi mãi xa rời ba đường ác, đời đời kiếp kiếp được phước báo trời người, đây chính là bỏ ác làm lành. Nói phá mê khai ngộ với quý vị, đó là nâng cao. Lục đạo là mê, Thanh văn, Bồ tát là ngộ, giúp quý vị thoát khỏi luân hồi lục đạo, quý vị vãng sanh đến pháp giới Tứ thánh, đến đó sẽ làm A la hán, Phật Bích chi, Bồ tát, ba quả vị đó. Tiếp tục lên cao chính là pháp nhất thừa, không phải là Bồ tát. Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát là tam thừa. Họp Thanh văn và Bồ tát lại thì gọi là Tiểu thừa. Đó là nhị thừa: Đại thừa và Tiểu thừa. Nhất thừa là phương pháp trực tiếp thành Phật, là pháp thù thắng không gì sánh được. Thế giới Cực lạc lúc nào cũng giảng pháp nhất thừa, giống như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa.

Khi còn tại thế, Phật Thích Ca Mâu Ni, giảng pháp nhất thừa chỉ trong ba bộ kinh, đó là nhất thừa. Thứ nhất là Hoa Nghiêm, thứ hai là Pháp Hoa, thứ ba là Phạm Võng. Ba bộ kinh này là pháp nhất thừa, những bộ khác là Đại thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa. Thế giới Cực lạc phương Tây là pháp nhất thừa, vì phàm người vãng sanh đến thế giới Cực lạc, đều được Phật A di đà gia trì, mọi người đều là Bồ tát bất thoái chuyển. Bồ tát bất thoái chuyển là Bồ tát Đại thừa, vì thế thứ họ cần đều là pháp nhất thừa, để giúp họ sớm bước lên vô thượng Bồ đề.

“Bồ tát văn hậu, giai đại hoan hỷ, tự tâm khai giải, đắc ngộ thánh đạo.” Cho nên ở thế giới Cực lạc, mỗi lần Phật A Di Đà đăng đàn thuyết pháp, có rất nhiều người được thành Phật. Khi đã thành Phật, họ liền rời cõi Thật báo, quay về Thường tịch quang. Tuy chưa chứng quả vị cứu cánh, cũng có nghĩa là vẫn chưa cắt hết tập khí vô minh, nên phải tiếp tục học tập. Mỗi người nghe pháp thành tựu, cấp bậc không giống nhau. Bồ tát pháp thân, từ Thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng

giác, tất cả là 51 giai cấp, giống như các cấp học, có 51 cấp. Mỗi ngày đều nghe pháp để được nâng cao, cao lên đến lúc tốt nghiệp, lại quay về Thường tịch quang, quay về tự tánh. Số người tốt nghiệp mỗi ngày không đếm hết, nhưng số người nhập học mỗi ngày cũng vô số, người nhập học rất đông, người tốt nghiệp cũng vô số. Mỗi ngày thế giới Cực lạc đều mở hội tiếp nhận, tiếp nhận những người mới đến. Ngày nào cũng mở hội đưa tiễn, tiễn đưa những người đã tốt nghiệp, một khung cảnh rất náo nhiệt. Vì vậy thế giới này rất thù thắng, thù thắng thanh tịnh trang nghiêm.

“Đắc ngộ thánh đạo, đạo đoạn hoặc chứng lý chi trí huệ, nguyện phát thủ trí, danh vi đắc đạo.” Đạo ở đây là trí tuệ, đức tướng vốn đầy đủ trong tự tánh, tự tánh hiện tiền, gọi là chứng đạo hoặc ngộ đạo, đều có chung một ý nghĩa.

Phân tiếp theo, Niệm lão sử dụng Khởi Tín Luận của Bành Tế Thanh. Khởi Tín Luận của Bành Tế Thanh là kinh Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận, chứ không phải là Đại thừa, kinh Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận do ông trước tác. Đây là một nhân vật rất đặc biệt, là một cư sĩ tại gia. Ông đã hiệu đính kinh Vô lượng thọ, đã được lưu hành và có rất nhiều người thích cuốn sách đó. Cuốn sách hiệu đính của ông sử dụng bản của Khương Tăng Khải, bản của Khương Tăng Khải đã được viết lại, rất dễ đọc, khi đọc lên ta nghe rất mượt mà, giống như văn chương của người Trung quốc. Dịch ý. Bản dịch của Khương Tăng Khải hơi nặng nề, nghe hơi trúc trắc khi đọc. Ông đã viết lại cuốn đó trên cơ sở bản của họ Khương, vì thế nó không được coi là hội tập mà chỉ được gọi là hiệu đính.

Bành Tế Thanh là người sống vào đời nhà Thanh năm Càn Long, đây là một con người cực kì thông minh, tuổi nhỏ nhưng đã đỗ tiến sĩ. Người xưa tuổi trưởng thành là độ tuổi hai mươi, tuổi trẻ như thế nhưng đã đỗ tiến sĩ. Ông có tâm nhận thức Phật giáo rất sâu sắc, thông tông thông giáo, hiền mật viên dung, là một vị đại tri thức. Suốt đời không ra làm quan. Phụ thân của ông là quan Thượng thư bộ binh dưới triều hoàng đế Càn long, theo cách nói ngày nay đó là bộ trưởng bộ Quốc phòng, bởi thế ông được xem là con của cán bộ cấp cao. Nhà cực giàu nên ông có thể không làm quan, cuộc sống của ông khá thoải mái. Ông thích học Phật, thích đọc sách, và đạt được những thành công nhất định. Ông là một trong những người có mặt trong tác phẩm Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, ông là người nhờ niệm Phật mà vãng sinh.

Trong cuốn Khởi Tín Luận có đoạn thế này, đây chỉ là một đoạn vấn đáp giả thiết. Hỏi: Phật Vô lượng thọ thuyết pháp, chỉ thuyết nhất thừa hay thuyết cả tam thừa? Nếu chỉ thuyết nhất thừa thì tại sao lại còn những bậc Thanh văn? Nếu thuyết cả ba thừa thì tại sao hai thừa kia không được sanh sang nước đó? Đây đều là những điều được lấy ra trong kinh điển. Tiếp theo là phần trả lời: Toàn là nhất thừa, không có tam thừa, không chỉ Phật tại giảng đường thất bảo toàn là nhất thừa, đến mỗi một cành hoa, mỗi một ánh sáng, tiếng gió tiếng mưa, tiếng nhạc cùng chỉ nói nhất thừa, hoàn

toàn không có tam thừa”. Lời giải của cư sĩ thật là sắc bén, không một chút nghi ngờ, cho chúng ta biết toàn là pháp nhất thừa.

“Nhu kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói”- kinh Pháp hoa, “trong thế giới mười phương còn không có nhị thừa lẽ nào có ba”. Kinh Pháp Hoa là bộ đại kinh của nhất thừa. Vừa rồi chúng ta đã nói, nhất thừa đại kinh chỉ có ba bộ. Hoa nghiêm và Pháp hoa được truyền đến Trung quốc, kinh Phạm võng thì chưa. Kinh Phạm võng chỉ truyền được một phẩm, nghe đầu phần đầu của bộ kinh này rất dài, phẩm được truyền đến nay là phẩm Bồ tát giới Phạm Võng Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm, phẩm này. Kinh Pháp Hoa nói rất chi tiết: “Chư Phật Như lai thuyết pháp chỉ có pháp nhất thừa, không hai cũng không ba”, câu tiếp theo: “trừ Phật vì phương tiện nói”. Như vậy quý vị có thể thấy, nhị thừa và tam thừa là do Phật phương tiện nói, hiện tại trình độ quý vị không đủ, giúp quý vị, nâng cao cho quý vị hướng đến nhất thừa.

Tiếp theo nói: “Nhất là vì căn trí chúng sanh khác nhau”. Căn tánh chúng sanh, trí tuệ của chúng sanh khác nhau. “Cách nghe cũng khác, chứng ngộ cũng khác”. Cách hiểu của mỗi người khi nghe Phật thuyết pháp không giống nhau, đây là điều rõ ràng. Chúng ta xem chú giải các kinh ở Trung quốc, cùng một bộ kinh, rất nhiều người cùng chú giải một bộ kinh, nhưng cách chú giải mỗi người một khác. Có chú giải sai không? Không, cách nói của ai cũng có lí, đây chính là cách nhìn của mỗi người khác nhau. Giống như kinh Lăng Nghiêm kể chuyện người mù sờ voi. Cách nói của mỗi người một khác, tất cả đều đúng, không ai sai cả. Bởi thế, người biết học phải biết tổng hợp tất cả những thứ đa dạng đó, tạo cho mình một cách nhìn toàn diện. Khi giảng kinh Vô Lượng Thọ, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giới thiệu thế giới Cực lạc cho chúng ta, việc này không phải chỉ xảy ra một lần, mà ngài đã nói rất nhiều lần, Phật rất nhiều lần giảng, mỗi lần giảng đều có những sai khác rất nhỏ, trong đó thực sự có những sai khác rất nhỏ. Lần giảng này, những lần trước đó ngài chưa đề cập, những thứ đã giảng lần trước, lần này lược bớt, không nói nữa, đó là chuyện thường xảy ra. Vì thế việc học kinh Vô Lượng Thọ sẽ có những khó khăn nhất định. Cần phải xem tất cả năm bản dịch, quý vị phải đọc tụng, đây cũng là một rắc rối. Kỹ thuật in ấn ngày xưa chưa phát triển, mãi đến thời Tống thì kỹ thuật in ấn mới được phát minh. Vì thế các bản kinh và thư tịch lúc bấy giờ đa phần đều viết tay, cho nên không thể tránh được những sự viết sai chữ, đây là điều không thể tránh được. Bởi thế có rất nhiều bản chữ không giống nhau, là do người chép sai, đôi lúc chép sai hàng, đôi lúc chép thiếu chữ, đây cũng là chuyện thường xảy ra. Cho nên bây giờ mới có chuyện khác nhau giữa các bản, vấn đề là ở chỗ đó. Chúng ta cần xem tất cả mới có thể thấy được hình ảnh tổng thể, chỉ xem một bản, hai bản, không để mắt đến những bản khác sẽ là khiếm khuyết. Vì thế sự ra đời của việc hội tập là một tất yếu.

Hội tập là gì? Những phần trùng lặp trong mỗi bộ kinh được lược bỏ bớt, tập hợp nó lại một chỗ để có một bản hoàn chỉnh. Kinh Vô Lượng Thọ đã trải qua ba lần hội

tập, đây là lần thứ ba. Lần thứ ba mới được coi là bản hoàn chỉnh, vì thế đây là bản đặc biệt trân quý. Hạ Lão đã bỏ mất mười năm, công phu mười năm của ông là để cúng dường cho người đời sau, cúng dường cho tất cả chúng sanh trong chín ngàn năm mạt pháp, đây là một việc thật tuyệt vời. Chú giải của Hoàng Niệm Lão cũng là một tập đại thành, tập hợp tất cả những chú giải kinh Vô Lượng Thọ của các vị cổ kim trong ngoài, hôm nay chúng ta có một bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ, có tất cả các bản chú giải của người xưa trong đó. Từng đoạn, từng đoạn đều được chép vào đây, thật không phải chuyện dễ! Với chúng ta, ân đức hai vị này thật sâu dày, là vì điều gì? Giúp chúng ta đoạn nghi sinh tín, phá mê khai ngộ. Khi chúng ta tìm hiểu kỹ thì tâm cầu sanh tịnh độ liền được thiết lập, không còn hoài nghi nữa. Khi chúng ta đã vãng sanh thế giới Cực lạc, hai vị này chắc sẽ mãn nguyện lắm. Học kinh này, chúng ta phải y theo phương pháp trong kinh để cầu sanh thế giới Cực lạc. Khi Phật A Di Đà đến tiếp dẫn chúng ta, chắc chắn hai người này sẽ có mặt bên cạnh, vì sao? Vì có duyên! Họ chắc chắn sẽ đến tiếp dẫn, đó thực sự là vừa thấy mà như đã quen từ lâu. Bởi thế có nhiều người e ngại, sợ khi đến thế giới Cực lạc, một mình một bóng, không quen không biết ai cả, cảm giác sợ hãi. Kỳ thực họ không hiểu một điều, khi đến thế giới Cực lạc, những người thân đã vãng sanh từ trước đã có mặt ở đó rồi, quý vị sẽ gặp được họ, chắc chắn sẽ vui hơn thế giới này nhiều, rất nhiều anh em, bà con, bạn bè. Khi gặp nhau, những người đó nói: “Sao bây giờ anh mới đến!” Họ đã đi từ đời nào, bây giờ quý vị mới đến. Vì thế khi đến thế giới Cực lạc chắc chắn quý vị sẽ không còn cô đơn, vì đã có rất nhiều anh em bạn bè.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới. “Cổ tiền văn ngôn, hoặc văn Phật thanh, hoặc văn pháp thanh, hoặc văn tăng thanh, hoặc văn tịch tịnh thanh, không vô ngã thanh, nãi chí cam lộ quán đánh đặng thanh.”

Đây là những gì đã được nói trong kinh, nghĩa là gì? Nghĩa là sự khác nhau về căn tánh, trí tuệ, nhân duyên của mỗi cá nhân, vì thế tất cả những gì quý vị nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận ở thế giới Cực lạc đều không giống nhau. “Người nghe được, hoặc chúng quả Tu đà hoàn”. Việc chúng quả cho thấy đẳng cấp đoạn phiền não của họ. Vì là đời nghiệp vãng sanh, có những người vãng sanh nhất phẩm phiền não chưa đoạn, khi đến thế giới Cực lạc, nghe Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp, chắc chắn đoạn được phiền não, đây được coi là đoạn được ít phiền não nhất. Khi đoạn được 88 phẩm kiến hoặc thì được quả Tu đà hoàn, đoạn được 81 phẩm tư hoặc, đó chính là ba quả dưới đây: Tư đà hàm, A na hàm, A la hán. Nhị quả đoạn được tiền lục phẩm của tư hoặc, tam quả tiếp tục đoạn tam phẩm, cuối cùng đến tứ quả thì đoạn được tất cả. “Cho đến Bồ tát bất thoái chuyển địa”. Bất thoái chuyển địa là Bồ tát đã minh tâm kiến tánh, là Bồ tát Sơ trú trở lên của Viên giáo. “Nói đủ như trong bản dịch, đó chính là thuận theo những cõi Phật khác nên có tên tứ quả”. Đây là thuận theo danh xưng địa vị đoạn chứng của các cõi Phật khác, để mọi người hiểu tình hình học tập ở thế giới Cực lạc, việc học tập được thành công. Ý nghĩa là ở chỗ đó. Để đối chiếu với đẳng cấp

Thanh văn, Bồ tát ở thế giới Ta bà của chúng ta, thế giới Cực lạc không có cách nói như thế. Vì vậy ở thế giới Cực lạc chỉ có pháp nhất thừa, cách thể nhập, lãnh thọ về pháp nhất thừa của mỗi người không giống nhau. Cần biết không giống nhau ở đây thay đổi theo từng ngày, hôm qua nghe không hiểu nhưng hôm nay lại hiểu, hôm nay nghe không hiểu nhưng qua mấy hôm lại hiểu. Nếu nói theo kinh Hoa nghiêm, 51 địa vị của Bồ tát, khi mới sanh qua đó, chúng ta thuộc quả vị thấp nhất, thậm chí chưa đạt đến quả vị thấp nhất. Tu đà hoàn là thấp nhất, Tu đà hoàn tương đương Bồ tát Sơ tín trong kinh Hoa Nghiêm, tương đồng với đoạn chúng của họ, nhưng trí tuệ lại cao hơn, cao hơn Tiểu thừa, đoạn phiền não giống nhau. Tương tự trường học, từ địa vị Sơ tín đến Diệu giác trải qua 51 địa vị, nghĩa là 51 lớp, cứ tiếp tục nâng cao, đến cuối cùng bảo đảm sẽ được tốt nghiệp. Thế giới Cực Lạc là ngôi trường bảo đảm, bảo đảm tốt nghiệp, ở đó không có lưu ban. Nhưng việc lên cấp của mỗi người khác nhau, có người lên cấp rất nhanh, có người rất chậm, nhưng chỉ lên chậm thôi chứ không lưu ban, không bị đuổi khỏi trường. Bảo đảm tất cả mọi người sẽ thành Phật, sẽ tốt nghiệp. Tìm đâu ra một trường học như vậy? Không thể! Cả cõi hư không pháp giới chỉ có một, chỉ có một ngôi, chúng ta phải hiểu được như thế. Khi gặp được, đó quả là một vận may.

“Thật sự chắc chắn thành Phật, không nhận Niết bàn hữu dư”. Niết bàn hữu dư là Tiểu thừa. Đây chứng minh nó là pháp nhất thừa, thành Phật là pháp nhất thừa. “Vì có thể bỏ Tiểu theo Đại, đó là bản nguyện của Phật”. Hàng Tiểu thừa, niệm Phật được sanh sang thế giới Cực lạc, họ phải bỏ Tiểu hướng Đại mới có thể vãng sanh. Nếu cứ đeo bám Tiểu thừa, không chịu bỏ Tiểu theo Đại, họ có niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Câu này đáng lí ra không nên diễn đạt như thế, vì nếu diễn đạt như thế sẽ gây ra sự hiểu nhầm, phải nói đời này họ không thể vãng sanh. Nhưng nếu kiếp sau họ chuyển niệm, khi nào thì chuyển niệm thì khi đó sẽ vãng sanh. Chuyển cách nào? Bỏ tiểu thừa, mở rộng tâm lượng, vì tâm lượng Tiểu thừa hẹp, tâm lượng Đại thừa lớn. Hàng Tiểu thừa chỉ quan tâm đến bản thân, hàng Đại thừa quên mình. Sự khác biệt giữa Đại thừa với Tiểu thừa là như vậy. Hàng Tiểu thừa như A la hán, độ chúng sanh có thoái tâm, chúng sanh không nghe theo, chúng sanh phản nghịch, A la hán liền nổi giận: “thôi, không độ nữa”, họ liền bỏ rơi chúng sanh. Bồ tát không như thế, Bồ tát từ bi, dùng mọi phương tiện thiện xảo để khuyến dụ, vì Bồ tát có tâm nhẫn nại, Bồ tát không bao giờ bỏ rơi bất cứ ai, đây chính là Đại thừa. Vì thế Bồ tát không bao giờ thoái tâm, hàng Nhị thừa có thoái tâm, đây là gì? Bồ tát hành bất thoái, tức là không bao giờ từ bỏ tâm độ chúng sanh. Nhị thừa và Bích Chi Phật có thoái tâm, gặp những người không vâng lời, không tin theo họ liền bỏ rơi.

“Thử thuyết thậm vi tinh yếu”. Cách nói này rất tỉ mỉ, quan trọng. Chúng ta xem đoạn cuối. “Tức thời hương phong, xuy thất bảo thọ, xuất ngữ âm thanh, vô lượng diệu hoa, tùy phong tứ tán.” Đây là cảm ứng.

Chú giải nói: “Phần văn bên phải nói lên ở nước đó loài vô tình nghe pháp, mà hành diệu cúng”. Vô tình là gì? Là những cỏ cây hoa lá, sơn hà đại địa, đều có cảm ứng! Cỏ cây hoa lá, sơn hà đại địa đều có sức sống. Hiện nay con người gọi là cơ thể, giáo lí Đại thừa công nhận. Biến pháp giới hư không giới, ngay cả hư không cũng có cơ thể, nếu không có cơ thể làm sao truyền tin tức được? Truyền được tin tức, không gặp trở ngại, chứng minh nó có cơ thể. Vì thế, biến pháp giới hư không giới với ta là một thể. Một thể với Phật A Di Đà, một thể với chư Phật Như lai, một thể với chư vị Bồ tát, đó là mối quan hệ rất chặt chẽ. Vì vậy Bồ tát tu hành ở bên đó, tất cả đều có những thành tựu tốt đẹp, cảm động đến cỏ cây hoa lá, sơn hà đại địa đều muốn cúng dường.

“Hương phong túy thất bảo thọ”. Cây có gió thổi, “xuất ngũ âm thanh”. Ngũ âm thanh, như nhạc giao hưởng ngày nay. “Vô lượng diệu hoa”, trước là cúng dường bằng nhạc trời, tiếp đó là hoa trời, vô lượng hoa quý, theo gió bay khắp, “tự nhiên cúng dường mãi không thôi”. Thế giới của chúng ta, thử nhìn chúng ta ngày nay, có rất nhiều những người bạn Nhật bản hỏi tôi, thiên tai nhiều như vậy làm sao để đối phó? Thế giới cực lạc là gió thơm, nhạc trời, hoa trời cúng dường. Chúng ta ngày nay sơn hà đại địa, động đất, nước biển dâng, núi lửa tuôn trào để cúng dường, đó không phải là sự cúng dường sao? Vấn đề này cần phải hiểu, đây là một vấn đề! Xem người ta đang làm gì? Đây là một câu hỏi lớn. Phật A Di Đà suốt ngày thuyết pháp, nếu thế giới chúng ta cũng suốt ngày thuyết pháp, chắc chắn cỏ cây hoa lá, sơn hà đại địa cũng sự cúng dường trang nghiêm không gì sánh được, chứ không phải là thiên tai! Chúng ta sẽ được thấy hoa trái trĩu cành trên những cây cối, nhạc trời cũng trỗi giữa hư không, đây là do tâm hành của con người chiêu cảm lấy. Lòng người thế giới Cực lạc là thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh bình đẳng giác là chân tâm, nó không phải là vọng tâm. Chân tâm nghe pháp, quý vị thấy mỗi ngày người ta đều đến thế giới mười phương để cúng Phật tu phước, rồi quay về thế giới Cực lạc. Nói lên điều gì? Thế giới mười phương tu phước đều hồi hướng cho thế giới Cực lạc, làm cho những cư dân thế giới Cực lạc thêm phước. Nghe tất cả chư Phật thuyết pháp, để cho cư dân của thế giới cực lạc, sơn hà đại địa của thế giới Cực lạc thêm lớn trí tuệ. Người ta làm những việc như thế, khiến cho biến pháp giới hư không giới được trang nghiêm thù thắng, trang nghiêm thù thắng này đều thấy được ở thế giới Cực lạc, đó là nguyện của Phật A Di Đà, mỗi người khi được vãng sanh đều phát nguyện như thế. Ở nơi này, người lãnh đạo của chúng ta, niên hiệu ngày nay là Bình Thành, Bình Thành thiên hoàng dẫn đầu, tất cả nhân dân Nhật bản đều bỏ ác làm lành, tích lũy công đức, vùng đất này chẳng phải là thế giới Cực lạc sao? Tất cả tai nạn đều có thể hoá giải, nên việc giáo dục rất quan trọng! Nếu thực sự đi trên con đường đó thì Phật Bồ tát sẽ đến, quốc gia sẽ được hộ trì. Giống như đế vương ngày xưa của Trung quốc, khi quốc gia gặp thiên tai, quốc vương liền tắm gội trai giới, cung thỉnh cao tăng giảng kinh thuyết pháp, mở pháp hội Nhân vương. Pháp hội Nhân vương là gì? Là tổng động viên toàn quốc, thúc đẩy giáo dục Phật giáo, quốc vương hộ trì, làm sao thiên tai không hóa giải được? Chắc chắn sẽ

được. Chúng ta đã học kinh Nhân vương hộ quốc, trong kinh nói rất cụ thể, làm thế nào để đối phó khi quốc gia gặp thiên tai? Con người bây giờ nghĩ như thế nào? Mở hội Nhân vương, mời một trăm vị sư, mỗi ngày tụng một biến kinh này. Không được, tụng niệm thì có tác dụng gì? Tại sao Phật Di Đà không bảo mọi người tụng kinh? Mà ngài giảng kinh chứ không phải tụng kinh.

Khi còn tại thế, Phật Thích Ca Mâu Ni cũng không dạy mọi người tụng kinh, mà ngày nào cũng giảng kinh cho mọi người nghe, không phải tụng. Tụng không có hiệu quả, vì sao? Vì khi giảng kinh sẽ làm cho mọi người hiểu được vấn đề, không những chúng sanh hữu tình hiểu được, mà cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa cũng hiểu được, như thế mọi người mới có thể hợp tác, thiên tai sẽ được hoá giải, sẽ được tiêu trừ. Cho nên sự việc này, nói đi nói lại là việc giáo dục.

Tổ tiên chúng ta rất thông minh, mấy ngàn năm trước đã kêu gọi: “kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”, muốn kiến tạo một nhà nước, lãnh đạo nhân dân, quan trọng nhất là phải làm gì? Giáo dục. Lấy việc dạy học làm đầu. Trong một gia đình, vấn đề nào quan trọng nhất đối với một gia đình? Giáo dục gia đình là quan trọng nhất. Nếu gia đình không có gia giáo, thì gia đình đó không thể có nhân tài. Khi quý vị nuôi dạy con cái đường hoàng, có thể đời đời đều có nhân tài xuất hiện, vấn đề là ở chỗ đó. Đệ tử qui là gia giáo, nếu mỗi gia đình đều chú trọng giáo dục con em mình, quý vị nghĩ xem, làm sao quốc gia không tốt lên được? Xã hội của quốc gia sẽ an bình ngay.

Truyền thống Trung quốc rất chú trọng giáo dục gia đình, lúc nào thì bắt đầu dạy dỗ trẻ nhỏ? Bắt đầu từ trong bụng, gọi là thai giáo. Khi đứa trẻ ra đời cho đến năm lên ba, trong một ngàn ngày đó gọi là giáo dục từ gốc, quan trọng nhất. Nếu được học tốt trong giai đoạn này, ngàn năm có câu: “ba tuổi đã thấy tám mươi”. Nếu được dạy dỗ tốt trong thời gian một ngàn ngày này, đến tám mươi tuổi cũng không thay đổi, người đó sẽ không bị đổ đốn.

Phật giáo là giáo dục, nhất định phải nhận thức rõ vấn đề này. Nếu Phật giáo làm những việc mê tín thì tôi đã vứt nó từ lâu, tôi còn làm những việc như thế này sao? Khi tiếp xúc mới hiểu được, khi thầy Phương giới thiệu, ngài nói đó là giáo dục cao cấp, sau khi đã tiếp xúc gần ấy năm tôi mới ngộ ra, đó không chỉ là một nền giáo dục cấp cao, mà còn là nền giáo dục viên mãn cứu cánh cho thế và xuất thế gian, không có một nền giáo dục nào có thể sánh ngang với nó, nó thực sự là bao gồm tất cả. Biết được nguyên nhân của thiên tai, tại sao có thiên tai, cũng biết được làm cách nào để hóa giải thiên tai, làm sao để cho thiên tai đừng xảy ra, nó biết tất cả. Nhưng nếu quý vị không tin thì cũng đành chịu, nếu thực sự tin, nó có thể giải quyết được mà hiệu quả lại rất cao. Những nhà khoa học trên thế giới ngày nay, thành quả nghiên cứu độ ba mươi năm trở lại đây của họ rất khả quan, họ đã đưa ra được những nguyên lý trong

kinh Phật nói, như vũ trụ được hình thành như thế nào, vật chất từ đâu mà có, tinh thần từ đâu mà có? Ngày nay những điều khoa học chứng minh hoàn toàn trùng khớp với những gì trong kinh đã nói. Ba ngàn năm trước Phật đã nói, làm sao Phật có thể đưa ra được những nguyên lý đó? Chính mắt Phật nhìn thấy, ngài nhìn thấy như thế nào? Trong khi thiền định. Thiền định, cảnh giới trong thiền định là cảnh giới hiện lượng, giáo lý nhà Phật có tam lượng: Hiện lượng, là những thứ tận mắt thấy, chính tai mình nghe, đó gọi là hiện lượng. Tỉ lượng là suy lí, không phải tận mắt nhìn thấy. Ví dụ như ta thấy ngoài kia có khói bốc lên, biết được bên dưới có người đang nhóm lửa, không thấy lửa được nhóm, chỉ thấy khói, nghĩ đến lửa trong đó, đó gọi là tỉ lượng. Thứ ba là phi lượng, phi lượng có nghĩa là nhìn sai, nghĩ sai. Nhìn sai nghĩ sai ngày nay rất nhiều, gần nhất là hiện lượng. Quý vị xem dự báo, cơ sở của dự báo là số học. Dự báo ngày xưa của Trung quốc không thể tách khỏi kinh Dịch, thực ra kinh Dịch cũng là một loại dự báo, người nước ngoài nghiên cứu những việc sẽ xảy ra vào năm 2012, trong kinh Dịch cũng có. Chúng ta thử xem, bộ film 2012, trong đó có đề cập đến kinh Dịch, phần sau của bộ film có bốn lĩnh vực chuyên môn nghiên cứu, thảo luận vấn đề này, đây là phần rất đáng được xem. Tất cả đó đều là nội dung film đưa ra.

Vì thế không thể không đọc kinh, không thể không giảng giải kinh điển. Đọc cho tỏ tường, đọc cho thông suốt, nhất định phải có giảng giải. Giảng giải mới mang lại hiệu quả to lớn, mới có thể giải quyết vấn đề. Không giảng giải, chỉ có thể giải quyết được vấn đề cá nhân, chứ không thể giải quyết được vấn đề của xã hội. Giảng giải thì mọi người mới hiểu rõ, mọi người mới nhận chân vấn đề, khi mọi người đã phản tỉnh thì vấn đề xã hội sẽ được giải quyết, thậm chí vấn đề thế giới cũng được giải quyết. Hiện nay đã có những phương tiện kĩ thuật như truyền hình vệ tinh, mạng internet, đĩa quang, chúng ta có thể ứng dụng. Nếu thực sự tai nạn như nội dung film 2012 xảy ra đến, giống như điện ảnh của Mĩ đã công chiếu, thì khoa học kĩ thuật không còn tồn tại, không có nguồn điện, gas không có, sống làm sao được? Quả đất bị ô nhiễm, nguồn nước bị ô nhiễm, lấy gì uống? Lấy gì để ăn? Sống sao được? Đây mới là vấn đề quan trọng. Lí luận để giải quyết những vấn đề này, phương pháp để giải quyết những vấn đề này, đã có sẵn trong kinh Phật. Kinh Vô Lượng Thọ là diệu pháp trong diệu pháp, diệu pháp vô thượng, nó có thể giúp chúng ta đến thế giới Cực lạc để thành Phật. Chẳng lẽ những tai nạn nho nhỏ trên quả đất này không giải quyết được? Làm gì có chuyện đó! “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, bây giờ khoa học đã chứng minh điều đó, “ché tâm nhất xứ vô sự bất biện” cũng được khoa học chứng minh, “tâm hiện thức biến”, “cảnh tùy tâm hiện”, cũng được khoa học chứng minh. “Cảnh tùy tâm chuyển”, đã được chứng minh qua thí nghiệm về nước của tiến sĩ Giang Bồn ở Tokyo. Cảnh giới bên ngoài có quan hệ rất mật thiết với tâm niệm chúng ta. Hoá giải tai nạn như thế nào? Thay đổi tâm niệm. Bồ Lai Đặng người Mỹ đã nói: bỏ ác làm lành, cải tà qui chánh, đoạn chánh tâm niệm thì vấn đề được giải quyết.



Bàn đến những vấn đề này, chúng ta nên kết hợp khoa học kỹ thuật với kinh Phật để giảng giải thì mọi người mới tin, nếu không tin thì chúng ta cũng bó tay, nhất định phải tin thâm tín bất nghi, thì vấn đề mới có thể được giải quyết.

Y chánh trang nghiêm ở thế giới Cực lạc, những thứ cúng dường này “đều do tự nhiên”, không có con người tác động, cũng không cần thiết kế thi công, không cần. “Ứng niệm mà thành”, tự nhiên hiện tiền. Hội số nói: “tự nhiên cúng dường, đó là pháp hữu vi”. Pháp hữu vi là có sinh diệt, chỗ đó không phải pháp hữu vi. Phần dưới có đoạn: “ý nói không phải nhân để tạo pháp hữu vi”. Lí lẽ ở đây rất thâm thúy, đây là sự thành tựu công đức của thiện tâm, thiện ý, thiện niệm, thiện hành. Nhìn thế giới Cực lạc thì chúng ta có thể hiểu, nếu không phải thiện tâm, thiện nguyện, thiện hành, thiện đức của Phật A Di Đà, thì thế giới Cực lạc liệu có thành tựu được không? Trong mỗi niệm không một chút tư tâm, thực sự bước vào cảnh giới vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả, như trong kinh Kim cương đã nói. Phá tứ tướng, tứ kiến, chỉ dùng chân tâm để phát nguyện tu hành. Thành tựu công đức, thành tựu tự nhiên. Không ai nghĩ đến chuyện kiến tạo thế giới Cực lạc, không ai lên kế hoạch, không có kiến trúc sư thiết kế, không công nhân thi công, nó thành tựu tự nhiên, thành tựu một cách lành mạnh. Hãy liếc mắt qua thế gian chúng ta, thế gian ta đang sống cũng rất ghê gớm, nó không cần ai thiết kế, không ai nghĩ cách xây dựng nó, nó hoàn toàn có mặt bởi tâm niệm tự tư tự lợi, độ nguy hiểm của tâm niệm đó lên đến cùng cực. Khởi tâm động niệm đều lợi mình hại người, công đức đó đã tạo nên những biến động trên quả đất, tạo nên những biến loạn của cả thế giới ngày nay. Đó chính là mặt trái của nó, Phật là chính diện. Tất cả đều được thành tựu tự nhiên. Khi nghĩ đến chính diện, chúng ta nên ngoái đầu nhìn lại mặt trái, thì có thể hiểu được mọi việc. Ta xoay chuyển những tâm hành ta đã sử dụng trong mặt trái, biến nó trở thành điều đúng, lúc đó xã hội sẽ yên, những thiên tai trên quả đất sẽ không còn. Vì những thứ đó là giả không phải thật, tất cả chúng sanh, sơn hà đại địa, đều thuộc mộng huyễn bào ảnh, đều được sanh ra từ tâm niệm. Khoa học đã cho chúng ta biết, ý niệm là nền tảng của vật chất, tất cả những hiện tượng vật chất đều không thể tách rời ý niệm. Ý niệm được sanh ra từ tâm, mà tâm là chủ tử, chủ tử của cả vũ trụ, chẳng những chủ tử một đời người mỗi chúng ta, mà còn là chủ tử của cả vũ trụ. Nó không phải là pháp hữu vi, mà là pháp vô vi. Khởi tác dụng là pháp hữu vi, không khởi tác dụng là pháp vô vi. Giáo dục Phật giáo đã nói rất thấu triệt phương diện này, vì thế nó được tôn xưng là triết học cấp cao. Ngày nay có rất nhiều khoa triết học của các trường đại học, mở dạy môn Phật học, nhưng họ có thể đạt được một môn triết học cấp cao chăng? Theo những gì tôi thấy, họ không thể đạt được. Tại sao họ không thể đạt được? Sai phương pháp. Họ dùng phương pháp thế gian, ngày nay gọi là phương pháp khoa học, nghiên cứu môn học về tâm tánh, họ không bắt đầu đi vào từ cửa. Pháp thế gian dùng những gì? Suy luận, chỉ cần chịu khó suy nghĩ. Phật pháp không dùng suy nghĩ, nghĩ là đã sai, không thể nghĩ. Phật giáo khuyên chúng ta lìa tâm ý thức, gọi là tham cứu, chứ không phải nghiên cứu. Dùng tâm ý thức là nghiên cứu, không dùng tâm ý thức là tham cứu. Đây

chính là hai con đường khác nhau giữa Phật pháp và phương pháp khoa học hiện đại, không giống nhau về phương pháp.

Lìa tâm ý thức là gì? Tâm ngày nay chúng ta gọi là rơi vào ấn tượng, là a lại da. Ý là chấp trước. Thức là phân biệt, thức là thức thứ sáu. Có thể nói khoa học dùng khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, dùng tâm như thế để nghiên cứu. Phật pháp dùng những gì? Không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, dùng trực giác, đây là điểm khác biệt! Buông bỏ khởi tâm động niệm, vì khởi tâm động niệm là vô minh, buông bỏ phân biệt, buông bỏ chấp trước, đây gọi là lìa tâm ý thức. Quý vị không thể dùng những thứ này, vì nó là hư vọng. Vọng chỉ có thể sanh ra vọng, không thể với đến chân. Chân có thể duyên đến chân và nó cũng hiểu được vọng, hiểu được cả chân lẫn vọng. Khi dùng tâm ý thức thì chỉ hiểu được vọng, không thể hiểu được chân, vì thế nó không thể giải quyết được vấn đề, nó phát hiện được vấn đề, chứ không thể giải quyết vấn đề. Lìa tâm ý thức là dùng chân tâm, nó hiểu được vấn đề, nó giải quyết được vấn đề. Trên thực tế Phật Thích Ca Mâu Ni biết, nếu mọi người trên thế gian này, đều lìa được tâm ý thức để tu tập, thì ngài cũng không đến thế gian này làm gì, vì sao? Vì mọi người đều biết cả rồi, ngài đến làm gì? Mọi người đều làm được nên không cần ngài đến, mọi người đã nhầm, không làm được, nên ngài mới có mặt. Đây mới gọi là đại từ đại bi! Mọi người làm được thì ngài đến làm gì? Đến góp vui à. Không phải, ngài không làm những việc đó. Vì thế, về phương pháp đã sai, đây là vấn đề lớn.

Nền giáo dục ngày nay, phương pháp giáo dục cũng có sự nhầm lẫn, đã sai thì tạo thêm tội, hại người. Quý vị đã làm hại những đứa trẻ nhỏ. Phương pháp hiện nay là gì? Chúng ta dạy những đứa trẻ từ nhỏ đã suy nghĩ lung tung, tại sao? Dạy cho chúng nó một mớ kiến thức, cái gì cũng học, bắt đầu mẫu giáo đã học rất nhiều thứ, học lung tung, học hỗn tạp, trong đầu là một mớ hỗn độn, bởi thế trong đầu chỉ có tri thức, không có trí tuệ. Quý vị xem đời này của họ thông khổ biết bao. Hoàn toàn khác với người xưa. Người xưa từ bé dạy quý vị học từng điều một, không cho phép học nhiều thứ, họ để quý vị luôn luôn giữ được đầu óc tỉnh táo, không chịu những tác động xấu bên ngoài. Vì thế từ nhỏ điều đầu tiên được học là gì? Học qui củ, dần thành thói quen, từ bé đã được học cách thức làm người. “Thói quen nhỏ thành tính khí lớn, tập quán thành tự nhiên”, rất có lí, không phải không có lí. Quý vị cứ để tâm suy nghĩ, nó có ưu điểm, rất nhiều ưu điểm, trí tuệ của trẻ nhỏ chưa được khai mở, chưa có năng lực phân biệt, phải dạy nó giữ qui cách, bắt nó học thuộc lòng. Học thuộc lòng có ý nghĩa như thế nào? Hoàn thành giới định tuệ cùng một lúc. Bọn nhỏ không hiểu được cách huấn luyện này, trên thực tế, chúng đã biết tiếp nhận cách huấn luyện giới định tuệ rồi. Qui củ là giới, một môn là định, bọn chúng không có tạp niệm, không có vọng tưởng, đó được gọi là trí tuệ, căn bản trí. Độ tuổi lên ba, bốn, trí tuệ dần dần khai mở, quý vị thấy nó đã bắt đầu thành tựu giới, định, tuệ. Giai đoạn này tuệ của nó đã mở, ta phải làm gì với nó? Giảng giải cho nó, nghiên cứu thảo luận với nó, tất cả những cuốn

sách đã học thuộc lòng từ bé, mỗi thư, mỗi thứ đều mang ra thảo luận, trí tuệ dần được mở ra. Chúng ta nên biết, nền giáo dục ngày xưa đã hấp thụ văn hoá nhà Phật, văn hoá Phật giáo đã làm phong phú thêm văn hoá truyền thống xưa. Với một đứa bé chưa đến mười hai tuổi ta nên chú trọng bồi dưỡng những gì? Căn bản trí. Sau mười hai tuổi ta bồi dưỡng hậu đắc trí, căn bản trí là “bát nhã vô tri”, hậu đắc trí là “vô sở bất tri”. Ngày xưa đời đời xuất hiện thánh hiền, đều được dạy dỗ mà nên, những đứa trẻ này đều có tư cách của bậc Thánh hiền, nhưng do ta dạy không tốt, dạy sai, làm cho chúng nó trở nên hồ đồ. Đây thuộc trách nhiệm của ai? Chúng ta xem ai gánh trách nhiệm này? Trách nhiệm của nhân quả. Chúng ta học Phật là học những gì? Học cách nhìn bằng con mắt trí tuệ, ngũ nhãn của Phật: nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn, mới nhìn sự việc của thế xuất thế gian một cách thấu đáo rõ ràng, sau đó mới có tự thọ dụng, mới có tha thọ dụng, tự lợi lợi tha.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**Hết tập 447**